TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 143/2026/HS-ST
Ngày 10 - 8 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bế Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Trọng Hiếu và bà Nông Diệu Huế.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tịch - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng (Cơ sở 2: xóm C, xã T, tỉnh Cao Bằng) đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 132/2026/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Nông Văn Q; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 18 tháng 10 năm 1991, tại xã T, tỉnh Thái Nguyên;

Nơi thường trú: Thôn T, xã T, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ở: xóm B, xã T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Nông Văn D (sinh năm 1963) và bà Hoàng Thị H (sinh năm 1965); Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không có.

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án ngày 30/5/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Phục Hòa xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Đến ngày 21/01/2024, Q chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/4/2026. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam T, Trại tạm giam Công an tỉnh C. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 30 phút ngày 15/4/2026, tại dãy trọ của bà Lường Thị T, sinh năm 1985, trú tại Bản L, xã T, tỉnh Cao Bằng, Tổ công tác Công an xã T phát hiện 01 nam thanh niên có biểu hiện nghi vấn về tội phạm ma túy. Kiểm tra xác định người đàn ông tên là Nông Văn Q, sinh năm 1991, nơi thường trú: Thôn T, xã T, tỉnh Thái Nguyên, nơi ở hiện tại: Xóm B, xã T, tỉnh Cao Bằng. Q tự nguyện chỉ vị trí giấu ma túy trong chiếc tất chân màu đen ở phía thành tường bên phải của phòng trọ, thu giữ 01 gói ma túy có khối lượng 0,53 gam (không phẩy năm mươi ba gam). Q khai nhận số ma túy trên mua với một người đàn ông không quen biết tại Bắc Kạn với số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) về để sử dụng cho bản thân. Tạm giữ 01 một chiếc điện thoại, 01 xe máy biển kiểm sát 11K1.173.71.

Ngày 15/4/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng vật chứng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại. Kết quả cân số chất bột màu trắng thu giữ của Nông Văn Q có khối lượng 0,53 gam (không phẩy năm mươi ba gam). Tại Kết luận giám định số 239/KL -KTHS ngày 21/4/2026 của Phòng K, Công an tỉnh C kết luận: "*Mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine*".

Tại Cơ quan điều tra, Nông Văn Q khai nhận bản thân sử dụng ma túy từ năm 2018 đến nay. Khoảng 09 giờ 00 ngày 14/4/2026, Q một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 11K - 173.71 từ nhà ở thôn T, xã T, tỉnh Thái Nguyên đến phường B, tỉnh Thái Nguyên để tìm mua ma túy. Khi đến phường B, Q nhìn thấy 01 người đàn ông khoảng 30 tuổi dáng người gầy, cao khoảng 1m65 giống người nghiện nên Q hỏi anh biết chỗ nào mua ma túy lấy cho 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Người đó đồng ý. Sau đó, Q đưa cho người đàn ông 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), người đó đi đâu một lúc khoảng 10 phút thì quay về đưa cho Q 01 gói ma túy được gói bằng giấy màu vàng.

Mua được ma túy, Q cất vào túi quần bên trái đang mặc rồi đi xe mô tô lên đến khu trọ của bà Lường Thị T ở xã T, tỉnh Cao Bằng mà Q đã thuê trọ từ trước. Tại phòng trọ, Q lấy giấy bạc màu trắng để gói ma túy rồi cất vào trong chiếc tất để trên thành giường. Đến 12 giờ ngày 15/4/2026 Q bị Công an xã T bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tại bản Cáo trạng số 75/CT-VKSKV3, ngày 14 tháng 7 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nông Văn Q ra trước Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng để xét xử về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nông Văn Q thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng đã phản ánh đúng hành vi phạm tội của bị cáo và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đối với ma túy thu giữ là của bị cáo, loại Heroine, có khối lượng 0,53 gam (không phẩy năm mươi ba gam), bị cáo mua về để sử dụng cho bản thân, không có mục đích nào khác. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm sát 11K1.173.71, bị cáo có sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy; 01 điện thoại thu giữ của bị cáo, bị cáo sử dụng để liên lạc với người thân, không liên quan đến hành vi phạm tội; mảnh giấy bạc để gói ma túy, bị cáo được cất ma túy trong chiếc tất màu đen đã thu giữ.

Kết thúc phần xét hỏi tại phiên tòa, Kiểm sát viên nhận định bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức về tác hại của ma túy nhưng vẫn cố tình phạm tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng vẫn giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn Q phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn Q. Xử phạt bị cáo Nông Văn Q từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi: "Số 239/KL - KTHS hoàn mẫu sau giám định vụ Nông Văn Q - Tàng trữ trái phép chất ma túy. Mặt sau phong bì có chữ ký của Hoàng Thu H1 và Triệu Trung T1 tham gia niêm phong và đóng dấu của Phòng K, Công an tỉnh C; 01 (một) phong bì niêm

phong mặt trước ghi "01 (một) mảnh giấy bạc màu trắng thu giữ đối với Nông Văn Q". Mặt sau phong bì có chữ ký của Nông Văn Q, chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng hình con dấu màu mực đỏ của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh C; 01 (một) chiếc tất màu đen có dòng chữ "aoshilan" màu đỏ được niêm phong bằng 01 (một) túi niêm phong có mã số PS3 23017542 theo quy định và có chữ ký của Nông Văn Q, chữ ký các thành phần tham gia niêm phong và đóng hình con dấu màu mực đỏ của Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cao Bằng;

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe máy nhãn hiệu Yamaha số loại Exciter, màu sơn Đ, loại xe: Hai bánh từ 50 - 175 cm3, dung tích xi lanh: 155,1 cm3, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất 2022, biển kiểm soát 11K1-173.71, số khung: RLCUG1210NY104199, số máy: G3M5E210961, xe đã qua sử dụng, xe không có gương chiếu hậu bên phải; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 003197, mang tên Nguyễn Công A, BKS: 11K1 - 173.71 có số khung 104199, số máy 210961;

Trả lại cho bị cáo Nông Văn Q: 01 (một) phong bì thư nguyên niêm phong mặt trước phong bì ghi "01 (một) chiếc điện thoại di động tạm giữ đối với Nông Văn Q, ngày 15/4/2026 tại xóm B, xã T, tỉnh Cao Bằng". Mặt sau có chữ ký của Nông Văn Q, chữ ký của các thành phần tham gia và đóng hình dấu màu mực đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh C do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Xác nhận số vật chứng trên Kho vật chứng và tài liệu, đồ vật Công an tỉnh C đang quản lý theo phiếu nhập kho vật chứng và tài liệu, đồ vật ngày 05/5/2026.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nông Văn Q không có ý kiến tranh luận. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Qua quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu và phù hợp với vật chứng đã thu được của bị cáo Q. Cụ thể: Hồi 11 giờ 30 phút ngày 15/4/2026, tại dãy nhà trọ của bà Lường Thị T, sinh năm 1985, trú tại Bản L, xã T, tỉnh Cao Bằng, Tổ công tác Công an xã T bắt quả tang Nông Văn Q đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,53 gam (không phẩy năm mươi ba gam) ma túy, loại Heroine để sử dụng. Vật chứng thu giữ 01 (một) chiếc điện thoại, 01 (một) xe máy biển kiểm sát 11K1.173.71.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo*:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được và biết rõ tác hại của ma túy, hiểu được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội ở địa phương và hiểu được các quy định của Nhà nước về nghiêm cấm mọi hành vi có liên quan đến ma túy; hành vi phạm tội của bị cáo còn thể hiện sự coi thường pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, khối lượng ma túy thu giữ được của bị cáo là 0,53 gam (không phẩy năm mươi ba gam) là tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã từng bị xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm mà vẫn tiếp tục tái phạm. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc là hình phạt tù có thời hạn quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự mới tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Do vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để kết tội bị cáo Nông Văn Q phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật

Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 đã truy tố bị cáo về tội danh và Điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt:

Bị cáo Nông Văn Q là đối tượng nghiện ma túy, có nhân thân xấu. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án, ngày 30/5/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Phục Hòa (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cao Bằng) xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phét chất ma túy. Đến ngày 21/01/2024, bị cáo Q chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự bị cáo chưa được xóa án tích. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự "*tái phạm*" đối với bị cáo Nông Văn Q.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù. Xét thấy mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nguồn thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: số Heroine hoàn mẫu sau giám định là mặt hàng Nhà nước cấm lưu hành; 01 (một) chiếc tất màu đen, 01 mảnh giấy bạc màu trắng liên quan đến hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng. Các vật chứng này cần tịch thu tiêu hủy; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển kiểm soát 11K1 - 173.71 (kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 003197, mang tên Nguyễn Công A, BKS: 11K1 - 173.71 có số khung 104199, số máy 210961) bị cáo sử dụng liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước; 01 (một) điện thoại di động thu giữ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

[7]. Các nhận định khác:

Đối với hành vi của Nông Văn Q mua ma túy về sử dụng cho bản thân, tiến hành xét nghiệm nhanh chất ma túy trong cơ thể, kết quả dương tính với chất ma túy nhưng qua xác minh không nằm trong diện trường hợp người sử dụng trái phép chất ma túy bị áp dụng xử lý hình sự về tội "*Sử dụng trái phép chất ma túy*" quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự nên không truy tố bị cáo về tội "*Sử dụng trái phép chất ma túy"* là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra không xác định được họ, tên, địa chỉ cụ thể của người bán ma túy cho Nông Văn Q nên Cơ quan điều tra không mở rộng vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý trong một vụ án khác.

[8]. Về án phí: Tại phiên tòa bị cáo Nông Văn Q có đơn đề nghị miễn giảm án phí, trong đơn thể hiện, bị cáo đang cư trú tại vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, bị cáo được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo Nông Văn Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tuyên bố bị cáo Nông Văn Q phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nông Văn Q 03 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 15/4/2026;

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nông Văn Q.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi: "Số 239/KL - KTHS hoàn mẫu sau giám định vụ Nông Văn Q - Tàng trữ trái phép chất ma túy. Mặt sau phong bì có chữ ký của Hoàng Thu H1 và Triệu Trung T1 tham gia niêm phong và đóng dấu của Phòng K, Công an tỉnh C; 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi "01 (một) mảnh giấy bạc màu trắng thu giữ đối với Nông Văn Q". Mặt sau phong bì có chữ ký của Nông Văn Q, chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng hình con dấu màu mực đỏ của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh C; 01 (một) chiếc tất màu đen có dòng chữ "aoshilan" màu đỏ được niêm phong bằng 01 (một) túi niêm phong có mã số PS3 23017542 theo quy định và có chữ ký của Nông Văn Q, chữ ký các thành phần tham gia niêm phong và đóng hình con dấu mực mực đỏ của Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cao Bằng;

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe máy nhãn hiệu Yamaha số loại Exciter, màu sơn Đ, loại xe: Hai bánh từ 50 - 175 cm3, dung tích xi lanh: 155,1 cm3, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất 2022, biển kiểm soát 11K1-173.71, số khung: RLCUG1210NY104199, số máy: G3M5E210961, xe đã qua sử dụng, xe không có gương chiếu hậu bên phải; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 003197, mang tên Nguyễn Công A, BKS: 11K1 - 173.71 có số khung 104199, số máy 210961;

Trả lại cho bị cáo Nông Văn Q: 01 (một) phong bì thư nguyên niêm phong mặt trước phong bì ghi "01 (một) chiếc điện thoại di động tạm giữ đối với Nông Văn Q, ngày 15/4/2026 tại xóm B, xã T, tỉnh Cao Bằng". Mặt sau có chữ ký của Nông Văn Q, chữ ký của các thành phần tham gia và đóng hình dấu màu mực đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh C do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Xác nhận số vật chứng trên Kho vật chứng và tài liệu, đồ vật Công an tỉnh C đang quản lý theo phiếu nhập kho vật chứng và tài liệu, đồ vật ngày 05/5/2026.

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nông Văn Q được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo. Bị cáo Nông Văn Q có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 3;
- Phân trại tạm giam Trùng Khánh, Trại tạm giam CA tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan Điều tra - CA tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Cao Bằng (PV06);
- Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp - CA tỉnh Cao Bằng (PC10)
- Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 3 - Cao Bằng;
- Công an xã Trà Lĩnh;
- Bị cáo;
- UBND xã Thượng Minh, tỉnh Thái Nguyên (Bằng T/B);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Bế Thị Thùy Linh